

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Ninh Bình - Phần xây dựng.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước; Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 73/TTr-SXD ngày 29/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Ninh Bình - Phần xây dựng kèm theo Quyết định này để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình sử dụng nguồn vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quản lý.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan phổ biến, hướng dẫn thực hiện Đơn giá công bố kèm theo Quyết định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 1665/2006/QĐ-UBND ngày 15/8/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Ninh Bình - Phần xây dựng. Đơn giá công bố kèm theo Quyết định này được tham khảo áp dụng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ ngày 01/01/2013.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng tại địa bàn tỉnh Ninh Bình; các chủ đầu tư; các đơn vị thiết kế, thi công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kinh tế - Bộ Xây dựng;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT. VP4,2,3,5,8.

**T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Văn Điển



THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG
ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH - PHẦN XÂY DỰNG
(Công bố kèm theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng là chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tổng hợp, bao gồm toàn bộ chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công và máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng như $1m^3$ tường gạch, $1m^3$ bê tông, $1m^2$ lát gạch, 1 tấn cốt thép, 100m dài cọc .v.v. từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc công tác xây dựng (kể cả những hao phí cần thiết do yêu cầu kỹ thuật và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo thi công xây dựng liên tục, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật).

A - THUYẾT MINH :

1. Căn cứ xây dựng đơn giá :

- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước;
- Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;
- Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;
- Định mức dự toán xây dựng công trình – phần xây dựng công bố kèm theo Văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng;
- Định mức dự toán xây dựng công trình – phần xây dựng (bổ sung) công bố kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng;
- Định mức dự toán xây dựng công trình – phần xây dựng (sửa đổi và bổ sung) công bố kèm theo Quyết định số 1172/QĐ-BXD ngày 26/12/2012 của Bộ Xây dựng;
- Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình công bố kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/3/2013 của UBND tỉnh Ninh Bình;
- Tài liệu hướng dẫn tính toán đơn giá xây dựng công trình của Bộ Xây dựng;
- Các văn bản khác theo quy định của Nhà nước.

2. Đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng gồm các chi phí sau:

a) Chi phí vật liệu :

Là giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ, cấu kiện, các vật liệu luân chuyển (không kể vật liệu phụ cần dùng cho máy móc, phương tiện vận chuyển và những vật liệu tính trong chi phí chung) cần cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng.

Trong chi phí vật liệu đã bao gồm chi phí hao hụt vật liệu ở khâu thi công; riêng đối với các loại cát xây dựng đã tính chi phí hao hụt do độ dôi của cát.

Giá vật liệu tính trong đơn giá lấy theo công bố giá vật liệu của Liên sở Tài Chính, Xây dựng và giá thị trường phổ biến trên địa bàn tỉnh Ninh Bình tại thời điểm quý IV/2012 chưa có thuế giá trị gia tăng.

b) Chi phí nhân công :

Chi phí nhân công trong đơn giá bao gồm lương cơ bản, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các chi phí theo chế độ đối với công nhân xây lắp mà có thể khoán trực tiếp cho người lao động để tính cho một ngày công. Theo nguyên tắc này chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng cơ bản được xác định như sau:

Các khoản chi phí nhân công được tính với mức lương tối thiểu vùng là 2.100.000 đồng/tháng, cấp bậc tiền lương theo bảng lương A.1.8 nhóm I ban hành kèm theo Nghị định số 205/CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, phụ cấp lưu động ở mức 20% tiền lương tối thiểu vùng, phụ cấp không ổn định sản xuất ở mức bình quân 10%, một số khoản lương phụ (nghỉ lễ, tết, phép...) bằng 12% và một số chi phí có thể khoán trực tiếp cho người lao động tính bằng 4% so với tiền lương cấp bậc. Số ngày công trong tháng được tính là 26 ngày.

Trường hợp công trình xây dựng được thực hiện trên địa bàn thuộc vùng có mức lương tối thiểu bằng 1.800.000 đồng/tháng thì chi phí nhân công trong đơn giá được nhân hệ số điều chỉnh $K_{NC}^{DC} = 0,857$.

Trường hợp công trình xây dựng được thực hiện trên địa bàn thuộc vùng có mức lương tối thiểu bằng 1.650.000 đồng/tháng thì chi phí nhân công trong đơn giá được nhân hệ số điều chỉnh $K_{NC}^{DC} = 0,786$.

Chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình - phần xây dựng được tính cho các loại công tác xây lắp nhóm I của bảng lương A.1.8. Đối với các công tác xây dựng công trình thuộc các nhóm khác của bảng lương A.1.8 thì chi phí nhân công được chuyển đổi theo hệ số sau :

Thuộc nhóm II : bằng 1,062 so với tiền lương trong đơn giá phần xây dựng.

Thuộc nhóm III : bằng 1,171 so với tiền lương trong đơn giá phần xây dựng.

Các nhóm công việc trên được quy định tại Nghị định số 205/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ.

c) Chi phí máy thi công :

Là chi phí sử dụng máy và thiết bị thi công chính trực tiếp thực hiện kể cả máy và thiết bị phụ phục vụ để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng.

Chi phí máy thi công trong đơn giá được tính theo Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình công bố kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 của UBND tỉnh Ninh Bình.

Chi phí tiền lương của thợ điều khiển máy được tính với mức lương tối thiểu vùng là 2.100.000 đồng/tháng.

Trường hợp công trình xây dựng được thực hiện trên địa bàn thuộc vùng có mức lương tối thiểu bằng 1.800.000 đ/tháng thì chi phí tiền lương thợ điều khiển máy được nhân hệ số điều chỉnh $K_{NC}^{DC} = 0,857$.

Trường hợp công trình xây dựng được thực hiện trên địa bàn thuộc vùng có mức lương tối thiểu bằng 1.650.000 đ/tháng thì chi phí tiền lương thợ điều khiển máy được nhân hệ số điều chỉnh $K_{NC}^{DC} = 0,786$.

3. Kết cấu tập đơn giá xây dựng công trình- Phần xây dựng :

Tập đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng bao gồm 2 phần, phân theo nhóm, loại công tác hoặc kết cấu xây lắp được mã hoá thống nhất theo hệ mã 2 chữ cái đầu và 5 số tiếp theo như qui định trong Định mức dự toán xây dựng công trình - phần xây dựng công bố kèm theo Văn bản số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007; Định mức dự toán xây dựng công trình - phần xây dựng (bổ sung) công bố kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 và Định mức dự toán xây dựng công trình - phần xây dựng (sửa đổi và bổ sung) công bố kèm theo Quyết định số 1172/QĐ-BXD ngày 26/12/2012 và của Bộ Xây dựng;

Phần I : Đơn giá xây dựng công trình - phần xây dựng

(Lập theo Định mức số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng)

- Chương I : Công tác chuẩn bị mặt bằng xây dựng
- Chương II : Công tác đào, đắp đất, đá, cát
- Chương III : Công tác đóng cọc, ép cọc, nhổ cọc, khoan tạo lỗ cọc khoan nhồi
- Chương IV : Công tác làm đường
- Chương V : Công tác xây gạch đá
- Chương VI : Công tác bê tông tại chỗ
- Chương VII : Công tác sản xuất và lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn
- Chương VIII : Sản xuất, lắp dựng cấu kiện gỗ
- Chương IX : Sản xuất, lắp dựng cấu kiện sắt thép
- Chương X : Công tác làm mái, làm trần và các công tác hoàn thiện khác
- Chương XI : Các công tác khác

Phần II : Đơn giá xây dựng công trình - phần xây dựng (sửa đổi và bổ sung)

(Lập theo Định mức số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 và 1172/QĐ-BXD ngày 26/12/2012 của Bộ Xây dựng)

- Chương II : Công tác đào, đắp đất, đá
- Chương III : Công tác đóng cọc, ép cọc, nhổ cọc, khoan tạo lỗ cọc khoan nhồi
- Chương V : Công tác xây gạch đá
- Chương VI : Công tác bê tông tại chỗ
- Chương VII : Công tác sản xuất và lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn
- Chương IX : Sản xuất, lắp dựng cấu kiện sắt thép
- Chương X : Công tác làm mái, làm trần và các công tác hoàn thiện khác
- Chương XI : Các công tác khác

Mỗi loại đơn giá công tác xây lắp được trình bày tóm tắt thành phần công việc, điều kiện kỹ thuật, điều kiện thi công và biện pháp thi công và được xác định theo đơn vị tính phù hợp để thực hiện công tác xây dựng đó.

B - QUY ĐỊNH ÁP DỤNG:

1. Tập đơn giá xây dựng công trình này là cơ sở xác định giá trị dự toán xây lắp công trình phục vụ cho công tác lập kế hoạch, quản lý vốn đầu tư XD/CB và xác định giá xét thầu, giá giao thầu các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Chiều cao ghi trong đơn giá là chiều cao tính từ cốt ± 0.00 theo thiết kế công trình đến cốt $\leq 4m$; $\leq 16m$; $\leq 50m$ và từ cốt ± 0.00 đến cốt $> 50m$. Các loại công tác xây dựng trong đơn giá không quy định độ cao như công tác trát, láng, ốp, v.v... nhưng khi thi công ở độ cao $> 16m$ được áp dụng đơn giá bốc xếp vận chuyển vật liệu lên cao.

3. Đối với những công tác xây lắp chưa có đơn giá hoặc đã có nhưng không phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công, yêu cầu kỹ thuật của công trình, chủ đầu tư căn cứ vào thiết kế bản vẽ thi công, hướng dẫn phương pháp lập định mức, đơn giá của Bộ Xây dựng, tổ chức lập đơn giá cho công trình hoặc vận dụng các đơn giá tương tự đã và đang sử dụng ở các công trình khác có điều kiện, quy mô phù hợp gửi Sở Xây dựng kiểm tra, chủ đầu tư phê duyệt, áp dụng; trường hợp gói thầu xây lắp sử dụng vốn ngân sách nhà nước áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu, chủ đầu tư gửi Sở Xây dựng để thẩm tra trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Căn cứ giá vật liệu (chưa có thuế giá trị gia tăng) theo giá tại thời điểm lập Tổng mức đầu tư, dự toán và giá vật liệu đã tính trong đơn giá để tính chênh lệch giá trong Tổng mức đầu tư, dự toán công trình.

Trong quá trình sử dụng tập đơn giá xây dựng công trình – phần xây dựng, nếu gặp vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền ./